

GIÁ TRỊ CỦA PHÁP LUẬT TRONG VIỆC ĐIỀU CHỈNH QUAN HỆ XÃ HỘI¹

BÙI XUÂN PHẢI *

Tóm tắt: Trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội, pháp luật ngày càng chứng tỏ giá trị quan trọng của nó, đặc biệt là trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền. Tuy nhiên, việc đánh giá về giá trị của pháp luật trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội vẫn có sự khác biệt nên cần có sự thống nhất về quan niệm giá trị của pháp luật cũng như thái độ của các nhà cầm quyền trong việc sử dụng pháp luật trong lịch sử và hiện tại. Sự thống nhất này giúp hình thành cách tiếp cận, qua đó có cơ sở để nhận diện và xây dựng được tiêu chí đánh giá phù hợp về giá trị của pháp luật, đồng thời nhờ đó để có giải pháp tốt nhất cho việc khai thác và phát huy giá trị của pháp luật trong các điều kiện phù hợp. Bài viết hướng tới việc làm rõ khái niệm giá trị của pháp luật trong điều chỉnh các quan hệ xã hội cũng như các giá trị cụ thể của nó.

Từ khóa: Quan hệ xã hội; điều chỉnh quan hệ xã hội; giá trị của pháp luật

Nhận bài: 20/3/2022

Hoàn thành biên tập: 28/6/2022

Duyệt đăng: 28/6/2022

THE LAW'S VALUE IN REGULATING SOCIAL RELATIONSHIP

Abstract: The law has become increasingly valuable when it comes to regulating social relationship, particularly in the process of building a rule-of-law state. However, since there are conflicting arguments regarding the values of the law in regulating social relationship, it is necessary to unify the concept of the law's values and to understand the government's attitude towards the use of law in the past and present. This unification helps create a methodology to build a set of criteria for evaluating the law's values and to develop appropriate methods for implementing these values. The article aims at clarifying the concept of the law's values in regulating social relationship, as well as other implications.

Keywords: Social relationship; regulating social relationship; the law's values

Received: Mar 20th, 2022; Editing completed: June 28th, 2022; Accepted for publication: June 28th, 2022

Đặt vấn đề

Để xem xét về giá trị của pháp luật trong điều chỉnh quan hệ xã hội, cần phải trả lời cho được câu hỏi: Tại sao pháp luật phải ra đời hoặc nếu không có pháp luật, xã hội loài người sẽ như thế nào? Pháp luật có thể mang lại những giá trị gì cho sự phát triển của xã

hội loài người? Có nhiều cách giải thích về lí do ra đời của pháp luật cũng như ý nghĩa của sự tồn tại pháp luật trong cuộc sống. Tuy nhiên, có thể xác định từ những lí do cơ bản là: vì sự an toàn; vì sự phát triển; vì việc đề cao giá trị quyền con người, pháp luật tham gia vào việc điều chỉnh quan hệ xã hội với các giá trị cụ thể của mình.

1. Điều chỉnh quan hệ xã hội

Điều chỉnh quan hệ xã hội là hoạt động sử dụng các công cụ tác động lên các quan hệ xã hội làm cho chúng thay đổi và phát triển theo những mục đích, định hướng nhất

* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

E-mail: buixuanphai@hlu.edu.vn

¹ Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu cấp cơ sở: "Giá trị của các quy phạm xã hội trong điều chỉnh quan hệ xã hội", Trường Đại học Luật Hà Nội, 2021.

định, nhằm duy trì và bảo vệ trật tự xã hội². Theo tác giả Nguyễn Minh Đoan: “*Tính chất cộng đồng của đời sống con người xuất hiện nhu cầu điều chỉnh các quan hệ xã hội, nhằm tạo ra một trật tự cần thiết bảo đảm cho xã hội tồn tại và phát triển*”³. Theo tác giả, điều chỉnh các quan hệ xã hội là sự tác động có chủ đích lên các quan hệ xã hội làm cho chúng vận động theo những định hướng nhất định nhằm tạo ra và duy trì sự ổn định cho xã hội đồng thời thúc đẩy sự phát triển. Việc điều chỉnh quan hệ xã hội đã xuất hiện từ khi xã hội được hình thành với những hoạt động chung giữa các thành viên. Hoạt động này sử dụng nhiều công cụ khác nhau như phong tục tập quán, tín điều tôn giáo, đạo đức..., đặc biệt là pháp luật. Mỗi công cụ có những ý nghĩa riêng và khi tác động đến các quan hệ xã hội, chúng mang lại những lợi ích khác nhau nhất định. Mỗi công cụ đó có những ưu thế nhất định khi tác động đến các quan hệ xã hội nhờ con đường hình thành, hình thức thể hiện, biện pháp tác động và bảo đảm khác nhau... Khi tham gia vào một quan hệ xã hội nào đó, con người thường xuất phát từ việc thỏa mãn nhu cầu nhất định, trong đó có những nhu cầu chính đáng hoặc không chính đáng và bởi những khả năng khác nhau dẫn đến cách thức thực hiện các quan hệ khác nhau nên cần phải có sự điều chỉnh theo các chuẩn mực là các quy phạm xã hội phù hợp giúp cho sự vận động của xã hội trở nên ổn định, tích cực. Sự tác động của các quy phạm xã hội này đến các quan hệ xã hội theo hai hướng chủ yếu. Thứ

nhất, đối với các quan hệ xã hội tích cực, chúng tác động theo hướng khuyến khích, thúc đẩy, bảo vệ hoặc hướng dẫn giúp cho quan hệ xã hội này phát triển lành mạnh. Thứ hai, đối với các quan hệ có tính chất tiêu cực, có thể gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của xã hội, các quy phạm tác động đến chúng theo hướng cảnh báo, ngăn chặn, cấm đoán... Những điều đó làm nên giá trị của các quy phạm xã hội. Trong các công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội này, pháp luật có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng, nhất là khi xã hội đã phát triển nhờ những giá trị đặc biệt của chúng.

2. Khái niệm giá trị của pháp luật

Theo Từ điển tiếng Việt, giá trị là “*cái làm cho lợi ích, có ý nghĩa, là đáng quý về một mặt nào đó*”; “*tác dụng, hiệu lực*”⁴. Theo tác giả Nguyễn Văn Động, giá trị của pháp luật được hiểu là tổng thể những yếu tố hữu ích tạo nên công dụng của pháp luật (hay tác dụng, vai trò) của pháp luật đối với xã hội nói chung. Từ cách tiếp cận này, có thể thấy, giá trị của pháp luật được thể hiện ở những yếu tố hữu ích, ảnh hưởng tích cực và có thể mang lại cho xã hội những lợi ích nhất định trên nhiều phương diện khác nhau, thể hiện được vai trò của nó tới sự vận động và phát triển của xã hội loài người. Theo đó, tự thân pháp luật chứa đựng các giá trị kinh tế, giá trị chính trị, giá trị văn hoá, giá trị tư tưởng, giá trị đạo đức và giá trị xã hội⁵. Tuy nhiên, đây là cách hiểu giá trị của pháp luật theo phương diện mà nó tác động chứ không thể hiện nội dung các giá trị cụ thể, tức là nó

² Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2021, tr. 229.

³ Trường Đại học Luật Hà Nội, *sđd*, tr. 467.

⁴ Viện Ngôn ngữ học, Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, 1996, tr. 371.

⁵ Nguyễn Văn Động, *Giá trị xã hội của pháp luật Việt Nam hiện nay*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2013, tr. 12.

mang lại cái lợi ích gì đó qua việc điều chỉnh các quan hệ xã hội. Trong khi đó, tác giả Trần Trọng Hựu cho rằng: *“Giá trị xã hội to lớn của pháp luật là ở chỗ: nó là yếu tố không thể thiếu để xác lập và bảo đảm tính tổ chức, tính được điều chỉnh và trật tự của các quan hệ xã hội. Pháp luật là phương tiện tổ chức và ổn định quan trọng nhất các mối quan hệ xã hội, là hình thức tồn tại tất yếu nội dung của các mối quan hệ đó”*⁶. Theo tác giả, giá trị nói chung được hiểu là những gì tích cực mà con người hướng tới để đạt được, có được, có ý nghĩa trong việc tạo ra những kết quả tốt đẹp khi thể hiện vai trò của chúng theo những phương diện nhất định của cuộc sống mà chúng tác động. Nếu giá trị được hiểu theo cách này, trong điều chỉnh quan hệ xã hội, pháp luật có những giá trị chủ yếu trong điều chỉnh quan hệ xã hội là giá trị chuẩn mực - xác lập trật tự và định hướng hành vi cho con người; giá trị bảo đảm an toàn xã hội; giá trị cân bằng lợi ích xã hội; giá trị hỗ trợ cho đồng thuận xã hội, giá trị thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ xã hội. Khi nói tới giá trị của pháp luật, người ta cũng có thể nói tới các chức năng của pháp luật. Chức năng của pháp luật trả lời cho câu hỏi: pháp luật được sinh ra để làm gì? Nó gắn với mục đích ra đời của pháp luật và như vậy, pháp luật có các chức năng bao gồm chức năng bảo vệ, chức năng điều chỉnh, chức năng giáo dục và nhờ những chức năng này, pháp luật phát huy giá trị của nó trong đời sống. Khi thực hiện các chức năng này, pháp luật cũng phát huy vai trò

của nó đối với sự vận động, phát triển của xã hội. Điều đó cũng có nghĩa là vai trò của pháp luật cũng gắn với giá trị của pháp luật. Tuy nhiên, khi thể hiện chức năng của mình, pháp luật còn mang lại những cái nằm ngoài mục đích ra đời của nó, chẳng hạn như nó có giá trị thông tin vì khi nghiên cứu về pháp luật trong lịch sử, người ta có thể biết được trạng thái xã hội thời điểm mà nó ra đời và điều chỉnh một cách rất chính xác. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này chỉ quan tâm đến giá trị của pháp luật trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội chứ không khai thác các giá trị đó. Hiện nay, việc đánh giá pháp luật nói chung và trong các lĩnh vực pháp luật cụ thể, nhất là trong các công trình nghiên cứu về lý luận và thực trạng, các tác giả thường dựa vào các tiêu chí truyền thống như tính toàn diện; tính khách quan, phù hợp; tính đồng bộ, thống nhất, tính khoa học và kỹ thuật pháp lý, tính hiệu quả và khả thi nhưng để cụ thể hoá mức độ hoàn thiện theo các tiêu chí đó vẫn chưa thực sự có chiều sâu. Việc xác định pháp luật có thực sự chất lượng hay không phải dựa vào các giá trị mà nó mang lại cho cuộc sống trong quá trình tác động đến các hoạt động xã hội. Do vậy việc xác định các giá trị cụ thể của pháp luật trở nên rất có ý nghĩa, không chỉ đối với hoạt động xây dựng mà cả hoạt động thực hiện pháp luật hướng tới việc điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Bên cạnh đó, khi nghiên cứu về giá trị của pháp luật trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội, có thể thấy rằng, không phải bao giờ pháp luật cũng có được đầy đủ các giá trị đó. Thực ra, pháp luật chỉ thể hiện một cách tương đối đầy đủ các giá trị trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội khi nó thực sự hướng tới quyền con người. Do đó, tất cả

⁶ Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, *Xã hội và pháp luật*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 111.

những giá trị của pháp luật được xem xét trong bài viết chủ yếu từ khi sau thành công của chủ nghĩa tư bản.

3. Các giá trị cụ thể của pháp luật

Thứ nhất, giá trị chuẩn mực

Giá trị này của pháp luật giúp cho con người trong xã hội biết cách xử sự đúng đắn, chính xác nên có khả năng định hướng sự vận động của các quan hệ xã hội. Khác với các sinh vật phát triển tự nhiên theo bản năng, loài người sinh ra, phát triển liên tục trong quá trình tái sản xuất xã hội và luôn hướng tới các giá trị tích cực một cách có ý thức. Trong quá trình này, loài người luôn tìm kiếm các phương thức tốt nhất cho sự tồn tại và phát triển của mình. Đó là những kinh nghiệm, kỹ năng sản xuất khi tương tác với tự nhiên, khi chiến đấu với các thế lực thù địch... được tích lũy từ thực tiễn cải tạo thế giới, từ sự khám phá, phát hiện những bí mật của tạo hoá, từ việc tìm kiếm những giải pháp tối ưu để phục vụ cuộc sống. Vì vậy, đó phải là những tri thức đúng đắn, được đúc kết, kiểm nghiệm, được thử thách và được chọn lọc qua thời gian. Trong các tri thức đó, có những tri thức thuộc về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học kỹ thuật và không thể thiếu tri thức về khoa học pháp lí. Có thể nhận thấy những quy tắc - những chuẩn mực cho xã hội đã có từ xa xưa. Người La Mã cổ đại có một câu cách ngôn nổi tiếng “ubi societas, ibi jus”, tạm dịch nghĩa là “ở đâu có xã hội thì ở đó có pháp luật”. Người Trung Quốc cổ đại, vào khoảng thế kỉ XXVI trước Công nguyên đã hình thành nên chữ luật pháp, và theo sách “Thuyết văn giải tự”⁷, chữ “luật” với nghĩa

là quy tắc hoạt động, được ghép từ bộ “xích” 𠄎 (ở bên trái) là bước chân chỉ sự hoạt động của con người và chữ “duật” 聿 (đứng bên phải) có nghĩa là quy tắc. Chữ “pháp” có nghĩa là phép, là phương pháp, pháp thuật được tạo nên từ sự kết hợp gồm: bộ “chấm thủy” (ba giọt nước) 氵, “trãi” 廌 (biểu tượng của con vật thiêng giống con kì lân có một sừng, ưa sự ngay thẳng, ghét điều dối trá, cong queo, thiên lệch nên khi gặp những điều này sẽ lao vào húc tung để trừ bỏ nên có chữ “khử” 去 (trừ bỏ, giết chết). Trong chữ “duật”, sách này giải nghĩa đại ý rằng người đời trước xác định được những chuẩn mực vì sợ chúng thất truyền nên có ý thức truyền lại bằng cách lấy bút ghi lại chuẩn mực đó (bằng hình vẽ - chữ tượng hình) trên những thanh tre, thanh trúc (sách cổ) cho đời sau biết mà làm theo. Nói cách khác, hoạt động của con người cần phải có chuẩn mực để noi theo, để bắt chước, để biết đúng - sai, phải - trái, hay - dở, tốt - xấu để tránh bị trừng phạt, bị trả giá. Với ý nghĩa này, “luật pháp” (từ chữ tượng hình đọc từ phải qua trái, nay đọc thành “pháp luật” theo chữ tượng thanh) được hiểu là những chuẩn mực cho hành xử của con người, nhờ đó mà con người được yên ổn (bộ chấm thủy 氵 trong chữ “pháp” biểu tượng cho sự cân bằng, ổn định). Hàn

là *Thuyết văn*, là từ điển chữ Hán xuất hiện đầu thế kỉ thứ II trong thời Nhà Hán của học giả Hứa Thận (許慎). *Thuyết văn giải tự* là sách đầu tiên phân tích cấu tạo Hán tự và giảng giải các thành tố cấu tạo chữ và cũng là nơi đầu tiên nhóm các chữ Hán theo bộ thủ. Bộ từ điển này có hơn 9.000 mục từ với 540 bộ thủ (部首), giải thích nguồn gốc các chữ Hán căn cứ chủ yếu trên cơ sở nghiên cứu chữ triện ban đầu.

⁷ *Thuyết văn giải tự* (說文解字) thường được gọi tắt

Phi Tử - đại diện lớn nhất cho phái pháp gia quan niệm “pháp” là “... *hiển lệnh công bố ở các công sở, thưởng hay phạt dân tin chắc là thi hành, thưởng người cẩn thận giữ pháp luật, phạt kẻ phạm pháp, như vậy bầy tôi sẽ theo pháp*”⁸, pháp luật vì vậy được coi là cái quy (giống như cái com pa), cái củ (cái khuôn, khuôn phép), cái thủy chuẩn⁹ dùng để đo hành vi, xử sự, quan hệ của con người. Trong khoa học pháp lí hiện nay, pháp luật được hiểu là tổng thể những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội theo mục tiêu, định hướng cụ thể. Với cách tiếp cận này, pháp luật chính là thứ chuẩn mực của toàn xã hội, là thước đo hành vi cho mọi người...¹⁰ Trong tiếng Anh, pháp luật được gọi là “right”, trong tiếng Pháp được gọi là “droit” đều có nghĩa là lẽ phải, sự ngay thẳng hay sự đúng đắn. Như vậy, dù là ở thời đại nào, cách tiếp cận nào thì pháp luật vẫn được hiểu là những chuẩn mực của con người và cho con người. Với tư cách là chuẩn mực, khuôn mẫu hành vi cho con người xã hội (để phân biệt với con người sinh học, bản năng), pháp luật mang lại cho con người sự tin tưởng chắc chắn về điều mình làm, có căn cứ giúp cho con người nhận biết đúng - sai, cái gì được phép, cái gì không được phép, giới hạn của việc được làm cũng như đòi hỏi cái mà

con người phải làm trong tương tác với xã hội, với tự nhiên. Đây là giá trị có tính phổ quát và cũng có ý nghĩa lớn nhất của pháp luật mà con người đã hướng tới để tìm ra và xác lập nên, nhờ đó con người có khả năng tự điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp, đồng thời cũng chứa đựng những căn cứ để đánh giá về cách ứng xử của con người. Khi con người vượt qua ngưỡng của sự hoang dã, bản năng thì việc tuân theo những chuẩn mực mà pháp luật mang lại sẽ giúp nhận biết một con người đã tự tu thân hay được giáo hoá đến mức độ nào. Giá trị của sự chuẩn mực mà pháp luật đem lại cũng giúp đánh giá mức độ được hưởng quyền cũng như khả năng gánh vác nghĩa vụ cho mỗi thành viên xã hội. Xã hội càng phát triển phức tạp, các tiêu chuẩn càng đầy đủ và ngày càng trở nên khắt khe hơn. Nhờ giá trị chuẩn mực của pháp luật, con người ngày càng tiến gần hơn đến những giá trị văn hoá, đến các nền văn minh. Nếu pháp luật có giá trị chuẩn mực thì trong đạo đức có một giá trị gần gũi với nó là “chân” - sự đúng đắn, khuôn phép để con người hướng tới và làm theo mang tính lí tưởng. Nếu điều chỉnh các quan hệ xã hội là sự tác động có chủ đích lên các quan hệ xã hội làm cho chúng vận động, phát triển theo những định hướng nhất định thì giá trị chuẩn mực của pháp luật được coi là cơ sở cho việc xác định định hướng đó. Giá trị của pháp luật vì vậy ngày càng tiệm cận với giá trị lí tưởng của đạo đức. Do đó, với giá trị này, pháp luật là sự mô hình hoá những nhu cầu khách quan, phổ biến trong xã hội, là những khuôn mẫu hành vi, những chuẩn mực chung của xã hội.

Thứ hai, giá trị đảm bảo an toàn xã hội

Có thể đặt vấn đề: Nếu không có pháp luật thì xã hội sẽ như thế nào? Khi điều

⁸ Nguyễn Hiến Lê - Giản Chi, *Hàn Phi Tử*, Nxb. Văn hoá, Hà Nội, 1995, tr. 273.

⁹ Là thiết bị đo đạc được dùng trong trắc địa, xây dựng, hỗ trợ việc đo đạc nhà xưởng, đường sá, kiểm tra cao độ sân, san lấp mặt bằng, dẫn cao độ thành lập bản đồ.

¹⁰ Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lí luận nhà nước và pháp luật*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2013, tr. 96.

chỉnh các quan hệ xã hội, có nhiều công cụ tác động lên các quan hệ xã hội như phong tục, tập quán, đạo đức, các tín điều tôn giáo, giáo luật hay những quy tắc xã hội khác tùy theo sự phát triển của xã hội với những điều kiện khác nhau giúp cho xã hội vận hành theo những chuẩn mực nhất định. Xã hội càng phức tạp thì các công cụ điều chỉnh nó càng đa dạng. Vậy thì tại sao xã hội vẫn phải cần đến pháp luật? Pháp luật ra đời khi các quan hệ xã hội trở nên phức tạp nhất mà cụ thể là trạng thái xung đột trong xã hội xuất hiện ở mức độ cao trên cả phương diện kinh tế, chính trị cùng với sự phân hoá xã hội mạnh mẽ sau khi nền kinh tế tự nhiên chuyển sang nền kinh tế sản xuất làm hình thành nên các loại lợi ích khác biệt. Đứng trước nguy cơ của sự rối loạn, của sự mất an toàn đe dọa sự tồn tại bình thường của xã hội và những lợi ích của các thành phần, giai tầng xã hội do sự xung đột lợi ích dẫn đến sự triệt tiêu nhau làm cho các thị tộc trở nên bất lực thì sự xuất hiện của nhà nước - một tổ chức có đủ sức mạnh làm dịu xung đột trong xã hội là một tất yếu. Tuy nhiên, nhà nước chỉ có thể thực hiện được nhiệm vụ này nếu có đủ sức mạnh. Nếu như các công cụ như đạo đức, phong tục tập quán là những chuẩn mực thuộc quy tắc tình cảm có chứa sức mạnh tinh thần và phù hợp với việc điều chỉnh các quan hệ tình cảm, trong cá nhân từng con người được hình thành từ quan hệ huyết thống trước đó thì pháp luật là công cụ mới có khả năng để điều chỉnh các quan hệ xã hội nhờ chứa đựng sức mạnh mang tính vật chất. Hàn Phi cho rằng: *“Pháp luật không hòa theo người sang... Khi đã thi hành pháp luật thì kẻ khôn cũng không thể từ, kẻ dumber cũng không dám tranh. Trừng trị*

*cái sai không tránh kẻ đại thần, thường cái đúng không bỏ sót kẻ thất phu. Cho nên điều sửa chữa được sự sai lầm của người trên, trị được cái gian của kẻ dưới, trừ được loạn, sửa được điều sai, thống nhất đường lối của dân không gì bằng pháp luật”*¹¹, do đó trong các loại sức mạnh mà nhà nước có được, pháp luật trở thành một công cụ không thể thiếu và ngày càng trở nên quan trọng. Tác giả Phan Huy Chú cũng có quan điểm tương tự khi cho rằng: *“công cụ trị nước tất phải có hình luật để răn điều gian dối và nghiêm sự cấm ngăn”*¹². Theo Jean Jacques Rousseau, *“người ta sinh ra tự do nhưng rồi đâu đâu con người cũng sống trong xiềng xích”*¹³. Vậy xiềng xích là cái gì và điều gì giúp cho người ta trở nên tự do thực sự? Phải chăng xiềng xích là trạng thái cưỡng bức, trói buộc, đàn áp được tạo ra từ sức mạnh của cái ác? Rousseau cho rằng: *“Từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái dân sự, con người trải qua một chuyển biến lớn lao. Đó là thời điểm dứt anh ta ra khỏi thế giới động vật ngu muội để vĩnh viễn trở thành loài người văn minh”* và *“Hãy tính toán lại sự thiệt hơn này một cách dễ hiểu hơn: Với kế ước xã hội, con người mất đi cái tự do thiên nhiên và cái quyền nhỏ nhoi là làm những gì mình muốn và chỉ làm được với sức lực hạn chế của mình; nhưng mặt khác, con người thu lại quyền tự do dân sự và quyền sở hữu những cái gì anh ta có được. Trong trạng thái dân sự, con người có*

¹¹ Hàn Phi tử (Phan Ngọc dịch), Nxb Văn học, Hà Nội, 2001, tr. 62.

¹² Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tr. 287.

¹³ Jean Jacques Rousseau, *Bản về kế ước xã hội*, Nguyễn Thanh Đạm (dịch), Nxb. Lí luận chính trị, Hà Nội, 2004, tr. 52.

quyền tự do tinh thần khiến anh trở thành người chủ thực sự của chính mình; vì rằng làm theo kích thích của dục vọng là nô lệ, và tuân theo quy tắc tự mình đặt ra là tự do”¹⁴. Khế ước ở đây có thể được hiểu như một cam kết của toàn xã hội tồn tại dưới dạng pháp luật, được nhà nước ghi nhận và bảo đảm. Từ những nhận định này, có thể thấy nhu cầu cần phải có pháp luật để giữ vai trò làm nền tảng cho sự ổn định trật tự xã hội, giúp cho con người được sống an toàn. Trong trạng thái tự nhiên, hoang dã, con người được tự do làm những gì mình muốn nhưng cũng chính vì sự hoang dã này, tự do của người này có thể ảnh hưởng, hạn chế, thậm chí tước đoạt tự do của người khác. Ở trạng thái đó, “lẽ phải” chỉ thuộc về kẻ mạnh nên người yếu thế nếu muốn tồn tại thì luôn phải phục tùng, chịu sự cai trị, đè nén, đàn áp của sức mạnh. Cái hoang dã của con người chứa những điều nguy hiểm bởi sự không có giới hạn nào cho sức mạnh, thiếu sự kiểm soát từ bên ngoài và hoàn toàn phụ thuộc vào sự “tự kiểm soát” của mỗi cá nhân. Nếu cá nhân người này có sức mạnh mà không có sự kiểm soát có thể “ăn hiếp” được cá nhân người khác thì những người này phải tìm cách chống lại sức mạnh đó bằng cách tập hợp lại lực lượng, đoàn kết với nhau. Tuy nhiên, điều đó có thể lại tạo ra nhiều nhóm xã hội có sức mạnh khác nhau và chúng có thể xung đột với nhau. Thực tế đã chứng minh điều này qua các cuộc chiến tranh, xung đột giữa các tộc người, giữa các lực lượng và cao hơn là giữa các quốc gia... làm cho các quan hệ giữa con người với nhau hoàn toàn dựa vào sức mạnh và dẫn

đến nguy cơ loài người tự tiêu diệt lẫn nhau. Con người luôn phải sống trong trạng thái bất an, lo lắng bởi sự nguy hiểm rình rập xung quanh. Do vậy, con người muốn tồn tại an toàn, cần phải có đủ sức mạnh để “nhốt” cái tự do hoang dã, bản năng của con người sinh học của mỗi cá nhân trong toàn thể xã hội để bảo vệ cho con người xã hội hoặc kiểm soát tình trạng bùng phát xung đột này. Đã từng xuất hiện các tôn giáo kêu gọi con người kiểm soát hành vi bạo lực của mình nhưng chiến tranh tôn giáo cũng đã từng xảy ra không ít. Như vậy, xã hội loài người sẽ luôn bị đe dọa mất an toàn bởi sự hỗn loạn, bạo lực. Vậy thì bằng cách nào để có thể “nhốt cái tự do hoang dã của con người sinh học”? Pháp luật chính là phương thức tốt nhất, như “cái lồng” có hiệu quả nhất nhờ sức mạnh của nhà nước để “nhốt cái tự do hoang dã của con người sinh học” đó. Khi đó, pháp luật phát huy giá trị an toàn cho xã hội, làm cho cái ác, cái xấu của con người dần bị khống chế, bị kiểm soát và cao hơn là có thể bị trừng phạt, loại bỏ. Nếu không có pháp luật, sự an toàn của con người bị đe dọa, thậm chí bị tước đoạt. Tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự của mỗi cá nhân, sự tồn tại và bền vững của gia đình, của cộng đồng, của một quốc gia và cao nhất là của toàn nhân loại đứng trước sự thách thức của những điều ác, điều xấu xa và rối loạn xã hội có thể xảy ra. Để sự mất an toàn đó không diễn ra, hành vi tội tệt, tàn ác của con người bị khống chế, được kiểm soát thì cần phải có sức mạnh của nhà nước và chính nhà nước cũng cần bảo đảm cho sức mạnh đó được thể hiện, được duy trì. Cái nhà nước cần đến chính là pháp luật. Vì vậy, pháp luật mang lại giá trị an toàn cho xã hội, cho mỗi cá nhân và cả nhà nước.

¹⁴ Jean Jacques Rousseau, sđd, tr. 31.

Thứ ba, giá trị cân bằng lợi ích xã hội

Những tác động của pháp luật tạo ra phương thức vận động ổn định và bền vững. Thế giới luôn vận động, phát triển và xã hội cũng vậy. Tuy nhiên, sự vận động này cần được bảo đảm để không có sự rối loạn. Nếu bệnh tật của con người hầu hết là do sự rối loạn trong cơ thể về chuyển hoá trong cơ chế trao đổi chất (mất cân bằng giữa đồng hoá và dị hoá), do rối loạn trong cơ chế điều khiển của thần kinh (mất cân bằng giữa hưng phấn và ức chế) hoặc rối loạn từ sự phát triển bất thường của tế bào (ung thư), bị rối loạn do mất khả năng tự miễn dịch... thì xã hội sẽ có nguy cơ đổ vỡ khi trở nên rối loạn từ sự khác biệt về lợi ích dẫn đến sự xung đột do mất cân bằng trong quan hệ giữa con người với con người, giữa các tổ chức và cao hơn là giữa các quốc gia. Phạm vi tương tác của con người trong xã hội rất rộng lớn về cả không gian, về đối tượng với những sự khác nhau về xuất phát điểm, về điều kiện, về khả năng... nên nguy cơ xung đột và trở nên mất cân bằng cũng cao hơn.

Mỗi chủ thể là cá nhân, tổ chức hay thậm chí là quốc gia là một thực thể độc lập, khác nhau về hầu hết các phương diện. Việc một chủ thể tự cân bằng đã khó, việc cân bằng lẫn nhau trong phạm vi toàn xã hội còn khó hơn. Nếu các cá nhân có thể khác nhau về nguồn gốc từ nguồn gen để lại từ các thế hệ trước, về thể chất và điều kiện xuất thân, môi trường tồn tại, học tập, phát triển... thì các tổ chức mà cao nhất là nhà nước cũng là những thực thể có sự khác biệt về cơ cấu, quy mô, mục đích, phương thức tồn tại, môi trường phát triển và tương tác... Trong sự khác biệt ấy, có nhiều lí do có khả năng dẫn đến sự bất

công, không hài hoà, mất cân xứng - nguyên nhân cơ bản của sự bất bình đẳng trên phạm vi xã hội hay giữa các quốc gia và là nguyên nhân quan trọng của sự rối loạn. Điều này gây ra không ít phiền toái cho sự phát triển bình thường của loài người. Phương thức tốt nhất cho sự vận động ổn định của xã hội phải tồn tại trong trạng thái cân bằng. Pháp luật chính là công cụ để có thể cân bằng một cách tương đối các loại lợi ích nên giá trị cân bằng của pháp luật mang lại một phương thức cho sự vận động đó. Lợi ích của xã hội là một đại lượng phản ánh tổng lợi ích của mỗi thành viên cộng lại. Với một người có năng lực cao hơn, khả năng mang lại được lợi ích cho mình nhiều hơn người khác thì anh ta thường đã khai thác các nguồn lực chung của xã hội nhiều hơn khi sử dụng khả năng của mình. Do vậy, anh ta cần phải đóng góp một phần lợi ích của mình trong thu nhập của bản thân để bù đắp lại cơ hội cho những người ít khả năng trong việc khai thác nguồn lực đó hơn để cân bằng lại việc sử dụng nguồn lực chung của xã hội. Pháp luật về thuế có thể giải quyết được cơ bản vấn đề này. Đó là một phần quan trọng để cân bằng quan hệ lợi ích, đồng thời tạo ra sự công bằng xã hội. Với quan điểm về khế ước xã hội, J. J. Rousseau đã hướng tới xây dựng một xã hội dân sự trên cơ sở pháp luật để đạt tới sự vận động cân bằng của nó, trong đó xác định: *“Công ước xã hội xây dựng trên nền tảng về tinh thần và pháp chế, để thay thế cái mà thiên nhiên đã làm cho con người không bình đẳng về mặt thể lực. Trên phương diện công ước và pháp quyền, con người tuy không đồng đều nhau về thân thể và trí tuệ vẫn được hoàn toàn bình đẳng như*

nhau”¹⁵. Mở rộng ra trên phương diện quốc tế, giữa các quốc gia có sự phát triển rất khác nhau. Có nhiều quốc gia, khu vực hưng thịnh, phát triển nhưng cũng có nhiều quốc gia, khu vực chậm phát triển, đói nghèo. Điều kiện tồn tại và phát triển giữa các thực thể này là khác nhau và đó có thể được coi là một nguyên nhân chính của sự bất công. Sự phát triển hơn cùng những ưu thế tự nhiên và một số lí do khác mà một số quốc gia này đã gây chiến tranh hoặc gây những ảnh hưởng tiêu cực đến các quốc gia khác làm cho thế giới loài người trở nên loạn lạc, nghèo đói, bất công giữa các quốc gia cũng xảy ra. Pháp luật quốc tế ra đời góp phần làm giảm bớt những khác biệt, hạn chế bớt sự bất công, tạo ra phương thức vận động cân bằng và bền vững của xã hội.

Thứ tư, giá trị hỗ trợ cho đồng thuận xã hội

Sự khác biệt giữa các thành phần xã hội là một phần tất yếu trong lịch sử nhân loại. Điều gì có thể duy trì trật tự xã hội một cách bền vững khi có quá nhiều sự khác biệt giữa các thành phần xã hội khác nhau từ nhu cầu, khả năng, khuynh hướng, lợi ích. Lời khuyên đến từ đạo đức, lời răn dạy đến từ các tín điều tôn giáo, cách nghĩ, cách làm đến từ phong tục, tập quán... liệu có đủ để làm cho xã hội đi theo một hướng, san sẻ lợi ích, thu hẹp khoảng cách, khắc phục sự khác biệt đang diễn ra và có thể mỗi ngày càng thêm lớn trên phạm vi toàn xã hội? Nếu là lời khuyên từ đạo đức thì lương tâm con người có thể đủ lớn để bao dung? Nếu là lời răn từ tín điều tôn giáo thì đức tin có đủ để thuyết phục tất cả mọi người? Nếu là cách nghĩ, cách làm đến từ phong tục, tập quán có tính

cục bộ thì có đủ để phủ kín phạm vi xã hội rộng lớn? Có vẻ như các công cụ xã hội nêu trên tuy có nhiều ưu điểm, nhiều tác dụng tích cực nhưng quan niệm đạo đức giữa cá nhân này với cá nhân khác về cái tốt - cái xấu, cái thiện - cái ác có thể khác nhau, giữa các tín ngưỡng thì không thể đồng nhất về đức tin, giữa các phong tục, tập quán cũng có thể khác nhau ở mỗi vùng, miền nên khó có thể đạt được sự đồng thuận trên phạm vi toàn xã hội. Thực tế, trong mỗi lĩnh vực của cuộc sống, đồng thuận cũng xuất hiện, thậm chí ở những nhóm nhỏ cộng đồng xã hội. Nói chung, lĩnh vực càng hẹp, đối tượng chung sống càng ít thì sự đồng thuận càng dễ đạt được và ngược lại, lĩnh vực có phạm vi càng rộng, đối tượng tham gia càng đông thì khả năng đạt được sự đồng thuận càng khó khăn. Với đặc điểm là có tính quy phạm phổ biến và có tính thống nhất, chỉ pháp luật mới đủ điều kiện để mang lại giá trị đồng thuận trên phạm vi toàn xã hội giữa các lực lượng, các thành phần vốn luôn tồn tại sự khác biệt. Sự thống nhất một cách tương đối chỉ được hình thành trên cơ sở của sự thoả hiệp giữa các thành viên có lợi ích khác biệt là cơ sở cho sự tồn tại bền vững và cũng là cơ sở bảo đảm cho sự phát triển. Đó là sự cân đối các loại lợi ích, là việc điều hoà các xu hướng khác nhau. Pháp luật phải là sự thống nhất ý chí của toàn xã hội mà nhà nước là người đại diện cho ý chí thống nhất đó. Trong môi trường có pháp luật, con người cần phải và buộc phải thừa nhận lợi ích của nhau ngay cả khi có sự khác biệt, thậm chí là sự xung đột với nhau để tìm ra giải pháp nếu muốn cùng tồn tại. Pháp luật có được từ sự thống nhất ý chí của toàn xã hội được biểu thị dưới dạng là ý chí của nhà nước. Khi tham gia vào các

¹⁴ Jean Jacques Rousseau, sdd, tr. 31.

quan hệ xã hội để thoả mãn nhu cầu của mình, mỗi người đều phải chấp nhận cái mình phải đóng góp để có cái mình được nhận lại hay có thể đạt được. Nói cách khác, quyền và nghĩa vụ của con người luôn tồn tại song hành cùng nhau ở những con người có ý chí. Theo tác giả Nguyễn Đăng Dung, pháp luật “*phải là công cụ của công lí..., không có yêu cầu riêng cho pháp luật công lí mà công lí chính là bản thân vốn có của pháp luật*”¹⁶. Ngay cả khi có sự không đồng ý vì cho rằng chưa thực sự công bằng - tất nhiên chỉ là quan điểm của một bộ phận nhỏ thì cuối cùng vẫn phải có sự thống nhất giải pháp khả dĩ có thể chấp nhận được từ các bên. Đó có thể coi là công lí - giá trị phổ biến chung cho toàn xã hội, được xã hội thừa nhận để bảo đảm lợi ích chung.

Thứ năm, giá trị thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ xã hội

Lịch sử nhân loại có những thăng trầm trong mỗi bước đi của mình. Tuy nhiên, khuynh hướng chung khó có thể đảo ngược là có sự phát triển tiến bộ. Sự phát triển mà nhân loại đạt được thể hiện trên nhiều phương diện khác nhau của cuộc sống, từ kinh tế, văn hoá, chính trị... đặc biệt là quyền con người. Có được điều đó, con người đã phải tìm ra nhiều phương thức, bao nhiêu sức lực, thậm chí cả sinh mạng của nhiều thế hệ và điều đó cũng nói nên rằng để có được những điều tốt đẹp như ngày nay, loài người đã phải trả giá rất nhiều. Kinh nghiệm được rút ra từ sự trả giá đó là phải tìm được phương thức tốt nhất bảo đảm để thúc đẩy

cho sự phát triển được bền vững, chính là phải có pháp luật. Ngoài việc bảo đảm cho sự phát triển nhờ đem đến sự an toàn, cân bằng trên cơ sở của sự chuẩn mực và đồng thuận xã hội, pháp luật còn tạo ra động lực cho con người, mở ra con đường phát triển bền vững các giá trị mà con người tạo ra đáng ra phải luôn là sở hữu của họ nhưng do sự bất công của quyền lực, do sự cướp đoạt, chiến tranh... mà điều đó đã không được bảo đảm. Điều đó dẫn đến tình trạng con người mất niềm tin, mất động lực để phấn đấu, để khám phá, để chinh phục và tạo ra những giá trị mới vì rất đơn giản những phát minh của họ bị “bóng tối của những đêm trường nô lệ” che phủ, không chấp nhận, những sản phẩm làm ra có thể bị cướp đoạt bất cứ khi nào mà không có cách gì bảo vệ khi “lẽ phải thuộc về kẻ mạnh”. Đó là lí do pháp luật phải ra đời để giúp cho nhà nước và xã hội ổn định hơn và pháp luật ban đầu đã có thể mang lại những cơ sở để hình thành niềm tin cho con người, có động lực để làm việc mà không bị ngăn cản, không bị coi thường, không bị tước đoạt và được thừa nhận, được bảo vệ. Khi con người được đáp ứng nhu cầu tối thiểu, người ta sẽ nghĩ đến việc sáng tạo ra cái mới để đóng góp cho những người xung quanh, cho xã hội. Họ có thể cống hiến cho xã hội nhiều hơn những gì họ đã làm. Trên thực tế, các nền văn minh lớn thường có các bộ luật lớn¹⁷. Đặc biệt, từ khi cách mạng tư sản thành công, nhà nước và pháp luật tư sản

¹⁶ Nguyễn Đăng Dung, *Một số vấn đề về Hiến pháp và bộ máy nhà nước*, Nxb. Giao thông vận tải, Hà Nội, 2001, tr. 188.

¹⁷ Bộ luật Hammurabi gắn với nền văn minh Babilon, Bộ luật Manu gắn với nền văn minh Ấn Độ, Bộ luật Đơ Ra Công gắn với nền văn minh Hy Lạp, Bộ luật Dân sự La Mã gắn với nền văn minh La Mã... Ở Việt Nam, Bộ luật Hồng Đức ra đời cùng với triều đại phong kiến cực thịnh thời nhà Hậu Lê...

ra đời, các giá trị mà nhân loại sáng tạo ra ngày càng nhiều do được giải phóng tư tưởng khỏi giáo lí thần quyền của chế độ phong kiến khi pháp luật tiến bộ thừa nhận quyền tự do tư tưởng. Chính nhờ vào việc bảo vệ tác quyền của các công trình nghệ thuật, các phát minh khoa học, các giải pháp công nghệ hay quản lí, loài người đã đạt được nhiều đỉnh cao của trí tuệ với các sản phẩm của công nghệ từ các cuộc Cách mạng công nghiệp 1.0 đến 4.0 như ngày nay. Đó chính là sự giải phóng tư tưởng vĩ đại mà pháp luật có đóng góp cực kì quan trọng đã giúp cho con người không chỉ thoả mãn các nhu cầu thông thường mà còn khám phá ra các nhu cầu của bản thân trước đó chưa từng biết đến hoặc chỉ là niềm mơ ước. Từ những điều này, con người tiếp tục tìm kiếm các tri thức khoa học mới để thoả mãn các nhu cầu ngày càng cao hơn của nhân loại. Không thể phủ nhận rằng, nếu không có khoa học kĩ thuật thì loài người không thể đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao do dân số trên toàn thế giới đã có sự gia tăng quá nhanh trong thời gian gần đây, đồng thời tiêu dùng ở từng cá nhân cũng thay đổi theo hướng tăng lên cả về số lượng và chất lượng, nhờ đó có sự phát triển nhanh chóng cả về kinh tế do năng suất lao động ngày càng cao, văn hoá giáo dục ngày càng có điều kiện mở rộng về quy mô, nâng cao về chất lượng. Pháp luật đã tham gia ngày càng nhiều hơn vào các quá trình phát triển của nhân loại nói chung và từng lĩnh vực cụ thể nói riêng. Trong lịch sử nhân loại, quyền tư hữu cũng đã sớm được khẳng định nhưng chúng chỉ chính thức được bảo vệ một cách đầy đủ khi pháp luật tư sản xác định “tư hữu là thiêng liêng, bất khả xâm phạm”. Với sự khẳng định này, bất cứ ai cũng có thể làm

giàu, được bảo vệ và vì vậy nó tạo ra động lực cho họ phát triển kinh tế mà không phải lo sợ những “con trời” tước đi thành quả lao động của họ. Sự tăng trưởng kinh tế này có được một phần quan trọng nhờ khoa học kĩ thuật phát triển với những phát minh cùng các giải pháp kĩ thuật và quản lí hợp lí được tạo ra. Những sản phẩm trí tuệ này được pháp luật bảo hộ. Ở đâu, các sản phẩm trí tuệ được pháp luật bảo hộ tốt thì ở đó có động lực lớn cho nghiên cứu, phát minh khoa học. Khi có các sản phẩm khoa học, việc phổ biến các kết quả và ứng dụng vào cuộc sống gia tăng làm cho trình độ dân trí tăng lên cùng với sự phát triển của sự nghiệp giáo dục có điều kiện giúp cho con người được phát triển toàn diện. Bên cạnh đó, hiến pháp của các quốc gia phát triển đều có sự thừa nhận quyền sáng tạo của con người song song với quyền được hưởng thụ các giá trị tinh thần. Có thể nói trong xã hội hiện đại, bất cứ cải cách xã hội nào cũng cần phải có sự tham gia của pháp luật với tư cách là sở sở pháp lí, vừa bảo đảm, vừa bảo vệ, vừa thúc đẩy cho sự phát triển.

Kết luận

Các giá trị của pháp luật ngày càng được mở rộng và phát huy hiệu quả theo thời gian. Các giá trị của pháp luật được xác định theo các phân tích trên có thể giúp cho việc xây dựng được tiêu chí để đánh giá hiệu quả của pháp luật nói chung và có thể đánh giá tác động mỗi dự án pháp luật cụ thể trong quá trình xây dựng pháp luật, đồng thời cũng chính là câu trả lời cho câu hỏi đặt ra về sự cần thiết của việc ban hành hay đánh giá tác động xã hội của một chính sách pháp luật.

(Xem tiếp trang 23)